

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/05/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD2	7:25	19+3	0+0		13+9	0+0	
2		TD3+BK5	7:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
3		VSP01+TD3	7:25	18+4	0+0		15+7	0+0	
4		T.UNG	7:25	17	0		16	0	
5		AMD+TGTH4+TGTH5	9:25	13+4+5	0+0+0		12+4+5	0+0+0	
6		P11+VSP01+TD5	9:25	10+10+2	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
7		CTK3+P11+AMD	9:25	5+10+7	0+0+0		0+15+7	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	TO: TD5 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - HTrung - Tú	ETA: 09:20
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HOANG KHANH	TD5	29-30	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN HOANG LAM	TD5	24-25	2	10	15	70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN DINH	TD5	28	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGO QUOC BAO	TD5	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NHU THANH TUYEN	TD5	32	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH CONG	TD5	16	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN DIEU	TD5	26	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET DUNG	TD5	27	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	18	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN HANH	TD5	34	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN SY LE	TD5	35	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
12	DO VINH CUONG	TD5	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	20	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
14	HO VAN TIEN	TD5	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	LUONG MINH PHUNG	TD5	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	HA THANH TUNG	TD5	22	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
17	ZHDANOV VLADIMIR	TD5	36	1	15		96	KHOAN	Russian
18	NGUYEN HUU TRUNG	TD5	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VAN QUYET	TD5	21	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
20	FOK S.I.	TD2	74	1	7		120	KHOAN	Russian
21	SHCHERBAKOV MAXIM	TD2	73	1	7		100	KHOAN	Russian
22	NGUYEN VAN TIEN	TD2	72	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	21	115	1.407	15	13		
2	TD2	3	3	19	295	0	9		
TOTAL		22	24	134	1.702	15	22		
WEIGHT KG				134	1.702	15			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:29
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTiến - VƯƠNG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGÔ HOÀN	T.UNG	35-36	2	10		66	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG				50	67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VŨ QUYÊN	T.UNG	51	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	40	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	50	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIỀN VINH	T.UNG	41	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG HOANG ANH	T.UNG	46	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	44	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	47	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	49	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	43	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	48	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	45	1	3		63	PSV	Vietnamese
16	LÊ MINH HOÀN	T.UNG	39	1	6		76	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN CHUONG	T.UNG	42	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	16	79	1.172	50	16		
TOTAL		17	16	79	1.172	50	16		
WEIGHT KG				79	1.172	50			

GRAND TOAL: 1.301 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: TD3 - BK5	CREW: ĐỨC - VAnh - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THUONG	TD3	60	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LINH	TD3	53	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
3	VU TIEN LUC	TD3	64	1	4	30	65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUC THANG	TD3	65	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NGOC NGHIA	TD3	62	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	KHONG QUOC HUNG	TD3	61	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN XUAN KY	TD3	49	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN MANH	TD3	44-45	2	7		72	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN TUAN	TD3	46	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	TD3	57-58	2	13		70	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	TD3	66	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TRUC TUYEN	TD3	56	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
13	VU NGUYEN KHANG	TD3	52	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	DANG HUY LONG	TD3	59	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
15	LE NGOC BINH	TD3	63	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
16	VU NGOC THANH	TD3	47-48	2	6		71	KHOAN	Vietnamese
17	PHUNG VAN XUYEN	TD3	50-51	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN MINH TUAN	TD3	54	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
19	VU TRUNG KIEN	TD3	55	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TA HOAI TRANG	TD3	67	1	10		77	ANTOAN	Vietnamese
21	BIEN VAN THANH	BK5	28	1	14	30	79	XAYLAP	Vietnamese
22	DINH DUC VUONG	BK5	29	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	24	128	1.431	30	20		
2	BK5	2	2	25	152	30	2		
TOTAL		22	26	153	1.583	60	22		
WEIGHT KG				153	1.583	60			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	TO: VSP01 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - Sơn - MQUÂN	ETA: 09:25
Vang - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV S.	VSP01	54	1	10		109	KH-THAC	Russian
2	VÔ QUANG HUY	VSP01	63-64	2	20		79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	59	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP01	62	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP01	60	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	57	1	10	12	81	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	52-53	2	10		55	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	55-56	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	51	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	50	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
13	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	66	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	61	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẦN DUY BÌNH	VSP01	67	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THẾ CHÍNH	VSP01	65	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUÂN	VSP01				50	65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					81	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ THANH HẢI	TD3	78-79	2	14		66	DVL	Vietnamese
20	LÊ THANH CHÂU	TD3	74	1	5		80	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN TIẾN	TD3	75-76	2	11		56	PSV	Vietnamese
22	LÊ TRUNG SƠN	TD3	77	1	8		74	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	18	17	114	1.346	62	15		
2	TD3	4	6	38	276	0	7		
TOTAL		22	23	152	1.622	62	22		
WEIGHT KG				152	1.622	62			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	CREW: TTrung - HTrung - Tú	ETA: 11:40
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STANLEY FUREY	AMD	07-09	3	15		110	BAB	British
2	NGUYEN DUY LAM	AMD	14	1	10		66	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN AN	AMD	10	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI MINH KHA	AMD	02	1	3	38	59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	18	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TAN	AMD	06	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC THU	AMD	700	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	11	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	AMD	12	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRẦN LIÊM	AMD	16-17	2	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HỒNG LINH	AMD	15	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO SY DUC	TGTH4	48-49	2	20		97	HLJOC	Vietnamese
15	LÊ THANH DANH	TGTH4	50-51	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VINH QUANG	TGTH4	45,47	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
17	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	52-53	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	19	1	6		68	HLJOC	Vietnamese
19	THAI THANH THẢO	TGTH5	20-21	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG HIẾU	TGTH5	22-24	3	24		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	16-17	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MẠNH CẦN	TGTH5	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	16	78	941	38	12		
2	TGTH4	4	8	52	289	0	4		
3	TGTH5	5	9	59	340	0	6		
TOTAL		22	33	189	1.570	38	22		
WEIGHT KG				189	1.570	38			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	TO: P11 - VSP01 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VAnh - TDUNG	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN QUY	P11	64	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN ĐỨC SƠN	P11	70	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG QUY	P11	66	1	10	32	70	DVL	Vietnamese
4	VÔ CHÍ THANH	P11	72-73	2	20		73	DVL	Vietnamese
5	LÊ DUY HUYNH	P11	65	1	15		70	DVL	Vietnamese
6	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	P11	69	1	10		81	DVL	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG THỨC	P11	71	1	10		71	DVL	Vietnamese
8	BUI HUY BĂNG	P11	63	1	15		68	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HIỆP	P11	67	1	15		78	DVL	Vietnamese
10	PHAN THANH GIANG	P11	61-62	2	10		55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	75	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG QUAN	VSP01	77	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	74	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	72	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	73	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH VĂN THÔN	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	80-81	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	78	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	ARTYUSHIN SERGEY	VSP01	76	1	10		90	ANTOAN	Russian
21	NGUYỄN VĂN DUNG	TD5	39	1	15		68	ANTOAN	Vietnamese
22	SUSTAVOV V.S.	TD5	38	1	9		120	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	12	125	717	32	0		
2	VSP01	10	10	45	693	0	14		
3	TD5	2	2	24	188	0	8		
TOTAL		22	24	194	1.598	32	22		
WEIGHT KG				194	1.598	32			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2024	TO: CTK3 - P11 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: QViệt - Sơn - MQUÂN	ETA: 11:45
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CHU	CTK3	54	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG ANH TUÂN	CTK3	49	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ TAT THANH	CTK3	55	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VĂN TUYẾN	CTK3	21	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NINH TRUNG LUONG	CTK3	53	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
6	TẠ VĂN CƯỜNG	P11	86-87	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM ANH QUÂN	P11	99,04	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC PHI	P11	05	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN HỮU MINH	P11	88-89	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HỮU QUYNH	P11	95-96	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	P11	97-98	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	P11	93-94	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P11	91-92	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC HOA	P11	06-07	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN MINH	P11	90	1	5		79	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	26	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	30,40-41	3	20		68	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	29	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	27-28	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN QUYET	AMD	25	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHAN	AMD	24	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM CÔNG PHU	AMD	22-23	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	5	56	319	0	0		
2	P11	10	18	151	703	0	15		
3	AMD	7	11	61	497	0	7		
TOTAL		22	34	268	1.519	0	22		
WEIGHT KG				268	1.519	0			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/05/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+P8+P10	7:25	5+14+3	0+0+0		2+16+4	0+0+0	
2		TD1+PPD+BK16	7:25	4+18+0	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
3		P6+BK8	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
4		RP3+RC8	9:25	20+1	0+0		19+1	0+0	
5		P4+BK21+P10	9:25	11+4+7	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
6		PPD+P5	9:25	18+4	0+0		13+9	0+0	
7		RC5+RP2+P4	11:25	3+14+5	0+0+0		0+8+13	0+0+0	
8		TD5+TTC2+P6	11:25	7+3+12	0+0+0		1+4+17	0+0+0	chuyen 3 TTC2-P6
9		BK19+P8+TD1	11:25	7+12+3	0+0+0		0+10+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TTC1-2ng, P8-3ng, P10-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: TTC2 - P8 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - NNam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	TTC2	89	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH HOANG NGUYEN	TTC2	87	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN LAM	TTC2	88	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG QUOC BAO	TTC2	86	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
5	TA MANH HUNG	TTC2					63	KHAI THAC	Vietnamese
6	HOANG ANH TU	P8					80	D-HANH	Vietnamese
7	ĐINH QUANG TRUNG	P8	63	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH CHANH PHAT	P8	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN CHAU NAM	P8	55	1	15		92	KH-THAC	Vietnamese
10	VU XUAN THANH	P8	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN DƯ	P8	56	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG HIEN	P8	64	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU DUNG	P8	53	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ NGUYEN MINH KHOI	P8	50	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU MINH HUNG	P8	57	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN LINH	P8	58	1	4		72	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN BA DAT	P8	60-62	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET KHA	P8	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN TAN	P8	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	SHEREMETEV	P10	53	1	5		78	D-HANH	Russian
21	VU VIET ANH	P10	49-50	2	7		68	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN XUAN LOC	P10	51-52	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	4	18	330	50	2		
2	P8	14	15	88	1.043	0	16		
3	P10	3	5	27	204	0	4		
TOTAL		22	24	133	1.577	50	22		
WEIGHT KG				133	1.577	50			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: TD1 - PPD - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SĨ TOÀN	TD1					75	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ VĂN TOÀN	TD1				20	71	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ VĂN TOÀN	TD1	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG THỦY	TD1	10	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG DIỄN	PPD	95	1	4		61	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THỌ	PPD	85	1	8		92	D-HANH	Vietnamese
7	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	PPD	91	1	6		71	D-HANH	Vietnamese
8	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	97	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC LINH	PPD	88	1	12		63	KHI	Vietnamese
10	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	90	1	4		90	KHI	Vietnamese
11	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	92	1	5		77	KHI	Vietnamese
12	BUI THANH HAI	PPD	89	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	93	1	6		62	KHI	Vietnamese
14	LÊ HỒNG PHONG	PPD	94	1	5		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	82	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	84	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	98	1	8		84	KHI	Vietnamese
18	CAO NAM QUY	PPD	99	1	5		69	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	800	1	4		56	KHI	Vietnamese
20	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	87	1	12		62	KHI	Vietnamese
21	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	96	1	4		66	KHI	Vietnamese
22	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	86	1	4		81	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	2	15	278	20	4		
2	PPD	18	18	107	1.296	0	15		
3	BK16	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	20	122	1.574	20	22		
WEIGHT KG				122	1.574	20			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: P6 - AMD - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - Tú	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TIEN	P6	21	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
2	VAN MINH TAN	P6	31	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG BACH	P6	13	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐOÀ	P6	17	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO MINH HOANG	P6	29	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH SY	P6	15-16	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TUAN	P6	32	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MẠNH KHANH CUONG	P6	14	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	P6	28	1	15		79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC KHANH	P6	18-20	3	13		82	YTE	Vietnamese
11	TRAN VAN BANG	P6	25	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGOC AN	P6	24	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM VAN KHUONG	P6	35-36	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LAM GIANG	P6	30	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN PHU	P6	34	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MANH THANG	P6	12	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HUNG	P6	33	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUY THONG	P6	22	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THIN	P6	37	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO TRUONG DIEN	P6	26	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG ANH	P6	23	1	10		91	VIỆT PHÁT	Vietnamese
22	NGUYEN ĐUC ANH	P6	27	1	16		97	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	26	198	1.615	0	14		
2	AMD	0	0	0	0	0	1		
3	BK8	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	26	198	1.615	0	22		
WEIGHT KG				198	1.615	0			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: RP3 - RC8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					87	KHI	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	79	1	3		72	KHI	Vietnamese
3	HA VĂN THUY	RP3	56	1	5		72	KHI	Vietnamese
4	BUI VĂN PHU	RP3	61	1	3		73	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	76-77	2	7		75	KHI	Vietnamese
6	LÊ HOANG ANH	RP3	51-52	2	15		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG NAM	RP3				85	88	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	78	1	5		67	KHI	Vietnamese
9	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	70	1	10		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	67	1	9		83	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	60	1	10		77	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3					63	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH QUANG HUY	RP3					73	KHI	Vietnamese
14	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	53	1	10		97	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	64-66	3	15		80	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN BA TRIẾT	RP3	58-59	2	18		70	KHI	Vietnamese
17	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	54-55	2	18		73	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN DUÂN	RP3	62-63	2	13		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH THÂN	RP3	68-69	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐOÀN TUẤN ANH	RP3	57	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN PHONG	RC8	58	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	24	163	1.487	85	19		
2	RC8	1	1	6	65	0	1		
TOTAL		21	25	169	1.552	85	20		
WEIGHT KG				169	1.552	85			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: P4 - BK21 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	91	1	4		95	KHI	Vietnamese
2	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	97	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG TÂN	P4	99,800	2	10		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	98	1	4		67	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	96	1	4		58	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	74	1	7		61	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	95	1	7		76	KHI	Vietnamese
8	LÊ HUY CHUÔNG	P4	89	1	5		56	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	93	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ANH	P4	90	1	4		70	KHI	Vietnamese
11	HOANG THAI DUONG	P4	92	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	VU ĐỨC DUNG	BK21	41-42	2	15		88	KH-THAC	Vietnamese
13	BACH ANH TUAN	BK21	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRUNG TUAN	BK21	37	1	15	12	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	39	1	7		82	PSV	Vietnamese
16	CU THE CANH	P10	44-45	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P10	42-43	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN NGỌC	P10	71-72	2	23		77	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HỒNG QUÂN	P10	54-55	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HUU LONG	P10	56	1	19	15	71	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN CAO TRI	P10	75-76	2	13		78	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐẶNG XUÂN THĂNG	P10	73	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	12	59	770	0	10		
2	BK21	4	5	42	313	12	4		
3	P10	7	12	117	486	15	8		
TOTAL		22	29	218	1.569	27	22		
WEIGHT KG				218	1.569	27			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: PPD - P5	CREW: VThắng - ĐNam - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	80	1	2		62	KHI	Vietnamese
2	LÊ HUY VINH	PPD	81	1	5		63	KHI	Vietnamese
3	VU VĂN CHIẾN	PPD	78	1	5		72	KHI	Vietnamese
4	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	68	1	4		68	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN DŨNG	PPD	66	1	11		65	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	63	1	8		75	KHI	Vietnamese
7	DƯƠNG TRƯỞNG LAM	PPD	64	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	PHẠM MINH ĐỨC	PPD	70-71	2	11		70	LỤC NAM	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUẬN	PPD	69	1	7	11	70	LỤC NAM	Vietnamese
10	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	79	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	KIM NHẬT THÀNH	PPD	73	1	10	30	73	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ANH	PPD	75	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ THANH HIỆU	PPD	72	1	9		71	CODIEN	Vietnamese
15	HOÀNG ĐỨC HẢI	PPD	76-77	2	20		90	CODIEN	Vietnamese
16	LƯU VĂN DÂN	PPD	65	1	14	25	60	CODIEN	Vietnamese
17	ĐANG PHÚC THẮNG	PPD					90	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN BA HIỆP	PPD	67	1	5		73	PVGAS	Vietnamese
19	LAI ANH TUẤN	P5	35	1	13	65	98	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NAM THẮNG	P5	37-38	2	16		102	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO VĂN TRƯỜNG	P5	38,88	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THAI SƠN	P5	36	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	19	137	1.279	66	13		
2	P5	4	6	54	338	65	9		
TOTAL		22	25	191	1.617	131	22		
WEIGHT KG				191	1.617	131			

GRAND TOAL: 1.939 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: RC5 - RP2 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HIỆP	RC5	59	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRÌNH BA ĐÔNG	RC5	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HOÀNG LONG	RC5	58	1	7		70	KENTAR	Vietnamese
4	KRAMARENKO V. V.	RP2	77	1	5	80	75	KH-THAC	Russian
5	VŨ VĂN SỸ	RP2	86	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH TÙNG	RP2	50	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN NINH	RP2	30,49	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
8	QUÁCH SỸ TY	RP2	32-33	2	20		65	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN KINH CHAU	RP2	79	1	6		70	VIỆT PHÁT	Vietnamese
10	TẠ NGỌC THANH	RP2	87-88	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÂM	RP2	34	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RP2	80	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN DUY KHANH	RP2	89-90	2	19		79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH THĂNG	RP2	81-82	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VƯƠNG MAI	RP2	83-84	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TRUNG	RP2	85	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CUÔNG	RP2	78	1	10		65	PSV	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	35	1	7		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	34	1	5		68	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG HUY KHANH	P4	62,33	2	10		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH KHIẾT	P4	36	1	7		69	DNV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	3	3	21	202	0	0		
2	RP2	14	20	188	983	80	8		
3	P4	5	5	29	350	0	13		
TOTAL		22	28	238	1.535	80	21		
WEIGHT KG				238	1.535	80			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2024	TO: TD5 - TTC2 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Toan	ETA: 14:05
Cam - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ XUÂN DƯƠNG	TD5	44	1	5		74	PVD- BAKE	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VŨ	TD5	41-42	2	20		72	PVD- BAKE	Vietnamese
3	ĐẶNG MINH SƠN	TD5	40	1	10	40	70	PVD- BAKE	Vietnamese
4	TRẦN THANH TÂM	TD5	43	1	10		53	PVD- BAKE	Vietnamese
5	PHẠM TRI DŨNG	TD5	45-46	2	10		64	PVD- BAKE	Vietnamese
6	DƯƠNG KHÁNH HOÀNG	TD5	47-48	2	10		81	PVD- BAKE	Vietnamese
7	ZHANG ZHE	TD5	96-97	2	15		68	PVDWS/HA	Chinese
8	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	87	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	86	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	85	1	4		76	PSV	Vietnamese
11	NGÔ VĂN TÍNH	P6	08-09	2	17		65	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN SỸ	P6	88	1	15	25	82	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐẠT	P6	01,81-82	3	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	P6	02-03	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	P6	85,83	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGÔ ANH QUỐC	P6	86-87	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P6	05	1	6		67	PSV	Vietnamese
18	DƯƠNG VIỆT DŨNG	P6	11	1	5		50	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN TRỌNG	P6	04	1	5		97	PSV	Vietnamese
20	HỒ QUỐC VŨ	P6	07	1	4		70	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	P6	06	1	10		77	PSV	Vietnamese
22	LÊ MINH KHUÔNG	P6	10	1	7		84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	11	80	482	40	1		CHUYEN 3 PAX TTC2-P6
2	TTC2	3	3	15	208	0	4	+ 3	
3	P6	12	18	134	869	25	17		
TOTAL		22	32	229	1.559	65	22		
WEIGHT KG				229	1.559	65			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	TO: BK19 - P8 - TD1	CREW: VThắng - ĐNam - Tú	ETA: 14:10
TRANG-3			

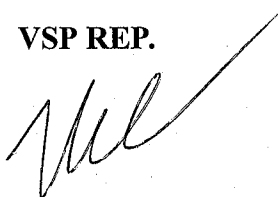
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	BK19	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG TRỌNG PHÚC	BK19	73-75	3	22		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ VĂN SANG	BK19	70	1	6	65	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK19	76	1	12	20	76	CODIEN	Vietnamese
5	BUI ĐỨC HẬU	BK19	77-78	2	20		62	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NGỌC	BK19	71	1	9		103	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TUÂN	BK19	81	1	6		67	PSV	Vietnamese
8	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	29	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH TRI	P8	46-47	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	27	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THÀNH VINH	P8	34	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ CHÈ LINH	P8	33	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TRUNG	P8	26	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	30	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	32	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	45	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	35-36	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN NHÂN	P8	28	1	6		72	YTE	Vietnamese
20	VŨ HÙNG TUÂN	TD1	92	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG LONG HAI	TD1	33	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG TRUNG ĐỨC	TD1	93	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

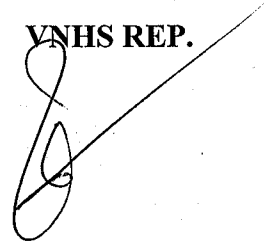
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	7	10	80	503	85	0		
2	P8	12	14	84	844	0	10		
3	TD1	3	3	13	234	0	9		
TOTAL		22	27	177	1.581	85	19		
WEIGHT KG				177	1.581	85			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

